

Số: 20/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định về khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1760/TTg-KTTH ngày 31 tháng 10 năm 2013 và Công văn số 3831/VPCP-KTTH ngày 27 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản) đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, bao gồm:

a) Khoản thu bằng tiền tương ứng với một tỷ lệ trên số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là khoản thu trên số tiền thu hồi nợ).

b) Khoản tạm ứng hằng năm bằng tiền tương ứng với một tỷ lệ trên số dư nợ gốc thực tế bình quân năm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc).

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

a) Công ty Quản lý tài sản;

b) Tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản và nhận trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bán nợ);

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc xác định, hoàn trả khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc

1. Số dư nợ gốc thực tế bình quân năm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư này được xác định bằng phương pháp tích số của số dư nợ gốc đang được hạch toán nội bảng cân đối tài khoản kế toán của Công ty Quản lý tài sản.

2. Khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc là khoản tạm ứng của tổ chức tín dụng bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản để Công ty Quản lý tài sản có nguồn trang trải các chi phí liên quan đến xử lý nợ xấu.

3. Công ty Quản lý tài sản hoàn trả các khoản tạm ứng đã nhận từ các tổ chức tín dụng bán nợ bằng các khoản thu trên số tiền thu hồi nợ và các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 3. Số tiền thu hồi nợ

1. Công ty Quản lý tài sản thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt bằng các khoản tiền và tài sản sau đây:

a) Số tiền thu được từ việc bán nợ, bao gồm cả trường hợp bán lại nợ cho chính tổ chức tín dụng bán nợ trước thời điểm trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán;

b) Số tiền thu từ các hoạt động khai thác, cho thuê, bán tài sản bảo đảm;

c) Số tiền khách hàng vay trả nợ (bao gồm cả gốc, lãi);

d) Số tiền do bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ thanh toán hoặc do bên thứ ba khác trả nợ thay cho khách hàng vay;

VIỆNG NH
Ụ PH
TH
...../..

đ) Giá trị tài sản bảo đảm mà Công ty Quản lý tài sản tiếp nhận làm tài sản của Công ty Quản lý tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận và đánh giá lại theo quy định của pháp luật;

e) Giá trị khoản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần tại khách hàng vay do chuyển nợ thành vốn điều lệ, vốn cổ phần.

2. Số tiền thu hồi nợ làm cơ sở tính toán khoản thu trên số tiền thu hồi nợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư này được xác định bằng các khoản tiền và tài sản quy định tại khoản 1 Điều này trừ (-) đi chi phí liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm, các chi phí khác thuộc nghĩa vụ của khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, quy định của pháp luật và số tiền thừa trả lại khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ (nếu có).

Điều 4. Tỷ lệ các khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản đối với các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt

1. Công ty Quản lý tài sản được hưởng số tiền tương ứng với một tỷ lệ trên số tiền thu hồi nợ của Công ty Quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng một hằng năm, tổ chức tín dụng bán nợ phải chuyển cho Công ty Quản lý tài sản các khoản tạm ứng của năm trước liền kề tương ứng với một tỷ lệ trên số dư nợ gốc thực tế bình quân năm của các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt của năm trước liền kề.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định các tỷ lệ quy định tại các khoản 1, 2 Điều này trong từng thời kỳ sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đảm bảo Công ty Quản lý tài sản có đủ nguồn thu bù đắp đầy đủ chi phí hoạt động;

b) Thúc đẩy việc xử lý nợ xấu;

c) Hạn chế rủi ro và chi phí trong xử lý nợ xấu;

d) Giảm thiểu chi phí cho tổ chức tín dụng bán nợ.

Điều 5. Hoàn trả khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc

1. Công ty Quản lý tài sản sử dụng các khoản thu trên số tiền thu hồi nợ để hoàn trả các khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc theo trình tự sau đây:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tiên của quý tiếp theo, Công ty Quản lý tài sản xác định, thông báo cho tổ chức tín dụng bán nợ các khoản thu trên số tiền thu hồi nợ mà Công ty Quản lý tài sản được hưởng phát sinh trong quý trước liền kề (nếu có);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng bán nợ đối chiếu số liệu và thông báo lại cho Công ty Quản lý tài sản bất cứ sự khác biệt nào về số tiền thu hồi nợ (nếu có);

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của quý tiếp theo, Công ty Quản lý tài sản sử dụng các khoản thu trên số tiền thu hồi nợ phát sinh trong quý trước liền kề của từng khoản nợ xấu để hoàn trả số tiền đã được tạm ứng trên số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đó.

2. Khi trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán hoặc Công ty Quản lý tài sản đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ, Công ty Quản lý tài sản sử dụng khoản thu trên số tiền thu hồi nợ và các khoản thu hợp pháp để hoàn trả khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc tương ứng với trái phiếu đặc biệt đó theo quy định của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản.

3. Trường hợp kết thúc năm tài chính, Công ty Quản lý tài sản bị lỗ và trong năm tài chính đó có trái phiếu đặc biệt đến hạn mà tổng các khoản thu trên số tiền thu hồi nợ Công ty Quản lý tài sản được hưởng trong năm nhỏ hơn các khoản đã nhận tạm ứng từ các tổ chức tín dụng phải hoàn trả trong năm thì Công ty Quản lý tài sản báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để xử lý theo quy định của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản.

Điều 6. Hạch toán khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt

Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện hạch toán việc thanh toán khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng bán nợ, Công ty Quản lý tài sản trong việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Tài chính - Kế toán:

a) Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và các đơn vị liên quan trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với kế hoạch tài chính hằng năm của Công ty Quản lý tài sản.

b) Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và các đơn vị liên quan trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định các tỷ lệ quy định tại các khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư này trong từng thời kỳ.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng bán nợ trên địa bàn trong việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản

1. Giám sát, kiểm tra các tổ chức tín dụng bán nợ trong việc xác định, thanh toán các khoản thu, tạm ứng đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt và quy định của Thông tư này.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng bán nợ

1. Phối hợp với Công ty Quản lý tài sản xác định, tính toán và thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu, tạm ứng đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2014.

2. Đối với các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt trong năm 2013 và năm 2014, Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện xác định khoản thu, tạm ứng, hoàn trả khoản tạm ứng theo các quy định tại Thông tư này; về thời điểm thanh toán khoản thu, tạm ứng, hoàn trả khoản tạm ứng, Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.


Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc của Công ty Quản lý tài sản chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. / *14*

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Văn phòng Chính phủ;
- Phòng Công báo - VPCP;
- Lưu VP, PC, TTGSNH5. / *12*

05 **THỐNG ĐỐC**
PHÓ THỐNG ĐỐC



Nguyễn Phước Thành

+